TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-5-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quãng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 634/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐST-HN ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HN ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Hà Thị Mỹ T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Lê Quốc M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp LT, xã LH, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Chị T và anh M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh Lê Quốc M chung sống với nhau từ ngày 06/01/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện D, có tổ chức lễ cưới. Trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Lê Quốc Th, sinh ngày 21/9/2013 và Lê Hà An Nh, sinh ngày 16/01/2018, hiện con đang chung sống với chị tại ấp HT, xã LH, huyện D, không có tài sản chung cũng không nợ ai. Chị và anh M sống hạnh phúc

đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh M luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, anh M luôn đánh đập chị, chị và anh M sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh M không bàn bạc việc đoàn tụ. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi cháu Lê Quốc Th và Lê Hà An Nh, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quốc M trình bày:

Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh xác nhận lời trình bày của chị T là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ anh trình bày không đúng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do công việc anh làm thường đi sớm về khuya cho nên anh không chăm sóc vợ con từ đó vợ chồng cãi vã nhau, anh có đánh chị T là do chị T hay ăn nhậu, việc chị T ăn nhậu anh không thích. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quốc Th, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp Tòa không giao con cho anh chăm sóc nuôi dưỡng anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, giao cháu Lê Quốc Th và Lê Hà An Nh cho chị T tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận anh M đồng ý cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Nh mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu Th và cháu Nh đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị Mỹ T và anh Lê Quốc M chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị T yêu cầu ly hôn, do anh M và chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh M thường xuyên đánh đập chị. Anh chị sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Còn anh M thì cho rằng do chị T không muốn sống với anh nên cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm và đánh chị, anh M thừa nhận có đánh chị T trong những lần chị T uống rượu, ngoài ra anh chị không có mâu thuẫn gì để dẫn đến ly hôn nên anh yêu cầu được đoàn tụ.

[2] Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương thì được biết, trong thời gian chung sống giữa chị T và anh M thường xuyên cãi vã, anh M không lo lắng cho gia đình. Trong thời gian Tòa án hòa giải để cho anh chị đoàn tụ, anh M thường xuyên đến nhà chị T năn nỉ chị T để cùng nhau chung sống lại, khi năn nỉ không được anh M có cãi vã với chị T, chứng tỏ anh chị không có thiện chí đoàn tụ. Nhận thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa chị T và anh M không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Quốc Th và cháu Lê Hà An Nh, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh M thì cũng yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thiên, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng: Hiện cháu Thiên và cháu Nhiên sống chung với chị T từ nhỏ đến nay, chị T chăm sóc 02 cháu vẫn phát triển bình thường về mọi mặt. Chị T có việc làm thu nhập ổn định, đủ khả năng điều kiện nuôi con. Hơn nữa cháu Th có nguyện vọng được sống với mẹ còn cháu Nh là con gái, tuổi còn nhỏ cần phải có sự chăm sóc của mẹ nên cần giao cháu Th và cháu Nh cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa, anh M thay đổi yêu cầu, có nguyện vọng được nuôi cháu Nh. Tuy anh M có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng như đã phân tích ở trên, do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh của anh M không được chấp nhận.

[4] Giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Lê Hà An Nh, sinh ngày 16/01/2018. Anh M đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Nh mỗi tháng 3.000.000 đồng, đến khi cháu Th và cháu Nh đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M không yêu cầu giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Mỹ T đối với anh Lê Quốc M. Chị T được ly hôn với anh M.

2. Về con chung: Giao chị T được tiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 21/9/2013 và Lê Hà An Nh, sinh ngày 16/01/2018. Ghi nhận anh M đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Nh mỗi tháng 3.000.000 đồng, đến khi cháu Th và cháu Nh đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0045450 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Quãng